

# PHONG TRÀO DUY TÂN

DÂN CHỦ - CÔNG LÝ - THỊNH VƯỢNG

TUẦN SAN 50-2024

# PHONG TRÀO DUY TÂN

TUẦN SAN 50-2024

©2024 Phong trào Duy Tân

[www.phongtraoduytan.com](http://www.phongtraoduytan.com)

Mọi hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email bên dưới:

[phongtraoduytanvietnam@gmail.com](mailto:phongtraoduytanvietnam@gmail.com)

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: [www.facebook.com/phongtraoduytan](http://www.facebook.com/phongtraoduytan)

X: [www.x.com/@phongtraoduytan](http://www.x.com/@phongtraoduytan)

Youtube: [www.youtube.com/@phongtraoduytan](http://www.youtube.com/@phongtraoduytan)

Cải cách và nhu cầu tản quyền để phát triển	6
Việt Nam cải cách: chủ nghĩa xã hội mờ dần, chủ nghĩa dân tộc lên ngôi	15
Thức tỉnh để nhận diện chính mình và tìm lối thoát cho dân tộc	20
Lý do tại sao hệ thống phúc lợi kiểu châu Âu đang dần đi đến hồi kết	25
Kinh tế Trung Quốc sẽ thế nào vào năm 2025	33
Cách Trump có thể kết thúc cuộc chiến ở Ukraine	38
Liệu Trump có thể tách Trung Quốc và Nga?	48



# CẢI CÁCH VÀ NHU CẦU TẢN QUYỀN ĐỂ PHÁT TRIỂN



NGUYỄN HUY VŨ

Hãy tưởng tượng rằng bạn là một nguyên thủ quốc gia trong một nước như Việt Nam. Một ngày đẹp trời, chính phủ muốn có một chính sách ưu việt có thể đáp ứng được mong mỏi của người dân và phù hợp với thực tế của các địa phương. Một việc hiển nhiên phải làm là chính phủ buộc phải mời các lãnh đạo địa phương tới để tham vấn.

Một cuộc họp bất đầu. Sáu mươi bốn tỉnh thành, mỗi tỉnh gửi một đại diện cho cuộc họp. Nếu mỗi vị trình bày một phút thì buổi họp đã mất hơn một tiếng đồng hồ; còn nếu mỗi vị trình bày 8 phút thôi thì đã mất nguyên một ngày làm việc. Quan trọng là sau khi 64 vị đại diện trình bày xong thì cử tọa ít người nhớ là mỗi vị trình bày được những gì, vì quá nhiều và quá lâu.

Thậm chí ngay cả khi chính phủ chia các buổi họp ra để họp riêng từng tỉnh thì nó cũng rất tốn thời gian và vì không có sự có mặt của các tỉnh khác, việc chia sẻ kinh nghiệm quản lý địa phương giữa các tỉnh không diễn ra. Tỉnh này không thể trao đổi hay học hỏi gì với các tỉnh còn lại. Kinh nghiệm

không được sẻ chia, và vương mắc khó có thể được trao đổi để cùng giải quyết hay hợp tác.

Vì lý do bất tiện đó nên có lẽ hiếm khi nào chính phủ triệu tập cuộc họp một lúc các lãnh đạo của các tỉnh thành để tham vấn.

Để quản lý các địa phương, trong suốt một thời gian dài, giới lãnh đạo cộng sản của Việt Nam đã áp dụng hai cơ chế. Cơ chế đầu tiên là khoán trong quản lý, khoán các chỉ tiêu. Giới lãnh đạo tỉnh sẽ được phép tự do thực hiện các chính sách trong các khuôn khổ và phải đảm bảo các chỉ tiêu được đề xuất. Chỉ có những thành phố lớn, nơi mà ngân sách và sự phát triển đã trở nên có ảnh hưởng, chính quyền trung ương mới cho thiết lập cơ chế thứ hai gọi là thành phố trực thuộc trung ương cốt để quản lý một cách trực tiếp hơn. Hiện có 5 thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Cách quản lý này có rất nhiều nhược điểm. Thứ nhất là việc làm chính sách được thực hiện từ trên xuống dưới mà không có sự góp ý và hợp tác từ dưới lên. Bởi vì như đã trình bày ở trên, rất khó mà tham vấn và phối hợp chính sách với 64 tỉnh thành cùng một lúc. Và vì không có tham vấn kinh nghiệm địa phương, các chính sách được làm ở trên ít có hiệu quả xuống phía dưới.

Thứ hai là các tỉnh mặc dù có nhiều tiềm năng nhưng vì dân số thưa dẫn đến ngân sách ít, cho dù lãnh đạo tỉnh có mong muốn cũng khó lòng thực hiện được những dự án hạ tầng đủ lớn để phát triển tỉnh mình. Nhưng nếu tỉnh đưa vấn đề lên trung ương để kêu gọi sự hỗ trợ thì lại không thể. Hãy hình dung khi cả 64 tỉnh thành cùng gửi yêu cầu lên trên sẽ dẫn

đến chuyện trung ương sẽ quá tải. Không một ông thủ tướng nào có đủ thời gian và năng lượng để vừa nghĩ giải pháp cho vĩ mô, vừa nghĩ giải pháp cho phát triển địa phương.

Thứ ba là cơ chế quản lý tập trung của chính quyền cộng sản đã khiến cho việc quản lý ở cấp trung ương đã quá tải. Một ví dụ. Hãy tưởng tượng bạn là Bộ trưởng Bộ giáo dục. Dưới sự quản lý của cơ quan bạn có gần 500 trường đại học và cao đẳng. Làm sao một người một ngày 8 tiếng có thể giải quyết được tất cả các vấn đề của một số lượng lớn các trường này một cách hiệu quả? Bạn chắc chắn có một lực lượng chuyên gia giúp sức nhưng bạn không thể nghĩ và quyết định giải pháp cho một số lượng lớn các vấn đề như vậy. Giải pháp mà các nước đông dân thực hiện đó là để cho các chính quyền địa phương quản lý các cơ sở giáo dục. Chính quyền địa phương là tổ chức gần nhất, hiểu biết nhất, và quan tâm nhất đến các vấn đề giáo dục của chính địa phương mình. Nhưng một vấn đề lớn của Việt Nam đó là các tỉnh quá nhỏ để có đủ ngân sách và nhân lực để quản lý tất cả các cơ sở giáo dục nằm trên địa phương mình. Và giả sử khi các tỉnh được giao quản lý các cơ sở giáo dục, nếu phát sinh những vấn đề gì họ cần liên hệ với Bộ Giáo dục để xin ý kiến chẳng hạn, thì có tới ít nhất 64 ý kiến, khó có thể nào giới lãnh đạo Bộ Giáo dục có thể giải quyết hết trong một thời gian hợp lý. Hậu quả là cho dù bộ trưởng Bộ Giáo dục có muốn thì cũng không thể nào cải cách và thay đổi giáo dục được. Đó chỉ là một ví dụ cho ngành giáo dục. Những lĩnh vực khác như kinh tế địa phương, lao động, y tế, an sinh xã hội, môi trường, giao thông, trật tự đô thị, quy hoạch, v.v. cũng có vấn đề tương tự — ở trên đã quá tải còn ở dưới thì không có năng lực để thi hành.



Nhưng nếu tổ chức hành chính địa phương được chia thành các vùng, mỗi vùng gồm chừng 5-7 tỉnh, mỗi vùng có chính quyền vùng, và Việt Nam có thể chia thành 12 vùng, thì việc quản lý sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Hệ thống chính quyền Việt Nam lúc này sẽ đi từ chính quyền trung ương, chính quyền vùng, chính quyền huyện, và chính quyền xã. Các cơ quan của chính quyền các tỉnh trong vùng sẽ gộp lại và tinh giản để trở thành một chính quyền vùng chịu trách nhiệm về thi hành chính sách cho các tỉnh trong vùng. Đứng đầu vùng sẽ có một hội đồng gồm các đại diện nhân dân của vùng và hội đồng sẽ bầu ra một thủ hiến. Thủ hiến sẽ đề cử các bộ trưởng vùng và hội đồng bỏ phiếu chấp thuận để thực hiện các chính sách của vùng. Chính quyền trung ương có thể cử một đại diện có mặt trong chính quyền vùng, chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của chính quyền vùng và là cầu nối truyền tải thông tin và liên lạc giữa chính quyền trung ương và chính quyền vùng.

Ở đây, độc giả sẽ hỏi rằng liệu có phải sáp nhập tỉnh và đổi tên tỉnh lại hay không. Câu trả lời là không cần. Vị thủ hiến có thể đóng vai trò là chủ tịch đồng thời của các tỉnh trong vùng. Ông sẽ dùng các con dấu đã có, các giấy tờ và văn thư đã có. Và như vậy, nó sẽ tránh việc phải thay đổi các chi tiết về tên gọi trên các giấy tờ và văn kiện. Tên của các tỉnh và địa giới cũng không nên và không cần phải đổi, vì nó là một phần của lịch sử dân tộc, cần giữ lại cho thế hệ sau.

Một đề xuất về cách chia các vùng hành chính kéo dài từ Bắc xuống Nam như sau. Ở phía Bắc có 4 vùng: Vùng Đông Bắc Bộ, vùng Tây Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng (trừ Hà Nội), và Hà Nội. Miền Trung và Tây Nguyên có thể chia thành 4 vùng: vùng Tây Nguyên, vùng Bắc Trung Bộ, vùng

Trung Trung Bộ, và vùng Nam Trung Bộ, giải đất miền Trung dọc biển do vị trí địa lý hẹp và dài được chia thành 3 vùng. Phía Nam có 4 vùng: vùng Đông Nam Bộ (trừ Sài Gòn), Sài Gòn, các tỉnh Tây Nam Bộ phía Bắc sông Hậu (Tây Nam Bộ Bắc), và các tỉnh Tây Nam Bộ phía Nam sông Hậu (Tây Nam Bộ Nam). Sở dĩ vùng Tây Nam Bộ nên chia thành hai vùng vì vùng Tây Nam Bộ quá lớn và quá đông về dân số; nó gồm 13 tỉnh thành và có tới gần 18 triệu dân. Việc chia vùng Tây Nam Bộ làm hai vùng như vậy, thì trung bình mỗi vùng có gần 9 triệu dân. Sau khi phân bố, chúng ta sẽ có 12 vùng trên cả nước và mỗi vùng sẽ có dân số từ 5 triệu đến 10 triệu. Vùng Tây Bắc Bộ, gồm các tỉnh Sơn La, Hoà Bình, Yên Bái, Lào Cai, Điện Biên, và Lai Châu, là vùng thưa dân nhất với dân số khoảng 5 triệu người; vùng Sài Gòn là vùng đông dân nhất với dân số là 10 triệu người.

Việc có 12 chính quyền ở cấp địa phương sẽ dễ dàng hơn rất nhiều cho trung ương trong việc điều tiết chính sách. Mỗi đầu một quý, chính quyền trung ương có thể triệu tập các lãnh đạo của 12 chính quyền vùng để bàn thảo những phối hợp chính sách cho quý.

Các chính sách từ kinh tế, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, cho tới an ninh địa phương, sau khi chính quyền trung ương bàn hợp với các chính quyền vùng, sẽ đưa xuống cho các chính quyền vùng đảm nhiệm thực hiện. Trung ương lúc này chỉ đóng vai trò định hướng và hỗ trợ các chính quyền địa phương thực hiện chính sách.

Như vậy, các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học cho tới đại học đều thuộc về quyền quản lý của các vùng. Các bệnh viện cũng vậy. Chính quyền trung ương có thể ra chính sách chung sau khi tham khảo các lãnh đạo vùng, nhưng việc quản lý vi

mô và thực hiện các chính sách cụ thể hơn đối với các cơ sở này thuộc về trách nhiệm của các chính quyền vùng.

Ví dụ về lĩnh vực giáo dục, với gần 500 trường đại học và cao đẳng, một nửa trong đó là cao đẳng và một nửa là đại học, đem chia đều cho 12 vùng thì mỗi vùng có xấp xỉ 40 trường cao đẳng và đại học. Một vùng quản lý chừng 20 trường đại học và 20 trường cao đẳng sẽ dễ hơn nhiều so với việc một bộ quản lý cùng lúc gần 500 cơ sở giáo dục.

Mỗi vùng tùy vào thế mạnh mà có những sự đầu tư, điều chỉnh luật lệ và cạnh tranh thu hút nhân tài để làm cho các cơ sở giáo dục, các bệnh viện, nhiều cơ quan và các dự án khác của vùng mình ngày một phát triển.

Mỗi vùng như vậy cũng nên đặt một chi nhánh lớn của hệ thống ngân hàng trung ương. Chi nhánh này vừa đóng vai trò giúp điều phối hoạt động tài chính tiền tệ và hỗ trợ các doanh nghiệp trong vùng, vừa đóng vai trò là một cơ quan nghiên cứu về chính sách kinh tế tài chính độc lập. Nó sẽ có hoạt động tương tự như các ngân hàng dự trữ cấp vùng ở Hoa Kỳ.

Chính quyền trung ương từ chỗ là cơ quan ôm đồm cả việc ra quyết định chính sách và trực tiếp thực hiện cả các chính sách ở tầm mức địa phương, giờ đây trở thành cơ quan chủ yếu ra các quyết định, định hướng chính sách, giám sát việc thực thi chính sách, và chỉ thực hiện một số chính sách vĩ mô mang tầm mức quốc gia mà mỗi một vùng đơn lẻ không thể thực hiện được như ngoại giao, quốc phòng, thương mại với các nước, điều tiết chính sách tiền tệ, thực hiện các chính sách công nghiệp nhằm hỗ trợ các lĩnh vực then chốt hay các dự án hạ tầng lớn vượt quá khả năng của các vùng.

Bên cạnh việc phân quyền, chính quyền cũng cần phải chú ý đến vấn đề phân chia ngân sách. Một cách tốt nhất, việc thu ngân sách của các chính quyền vùng phải đủ để trang trải cho các hoạt động trong vùng. Khi một vùng không đủ ngân sách để thực hiện các hoạt động của mình, gánh nặng ngay lập tức sẽ rơi lên vai của chính quyền trung ương.

Kinh nghiệm quản lý ở các nước cho thấy rằng mức thuế áp lên các cá thể trong nền kinh tế có thể chia làm ba loại. Loại đầu tiên thuộc hoàn toàn về thẩm quyền của chính quyền quốc gia trung ương, gọi là thuế quốc gia, đó là các loại thuế hải quan, thuế tiêu thụ chung, thuế vận tải đường bộ và xe cơ giới, và thuế trên các giao dịch vốn và hối phiếu. Loại thứ hai là thuế mà ở đó doanh thu từ thuế sẽ được chia sẻ giữa vùng và chính quyền trung ương, gọi đó là thuế chung, đó là thuế thu nhập cá nhân, thuế doanh nghiệp, và thuế doanh thu. Và các thuế còn lại thuộc về các vùng, gọi là thuế vùng.

Việc xác định mức chia sẻ thuế chung sao cho ngân sách của các vùng đủ để chi tiêu. Tuy vậy, chính phủ trung ương cũng cần phải có một quỹ dự phòng để hỗ trợ các vùng mà ở đó thu ngân sách không đủ chi hoặc có thể chi trả thêm cho các chương trình an sinh xã hội.

Chính phủ có thể hình thành một uỷ ban gồm các lãnh đạo chính quyền vùng. Mỗi vùng cử chừng 4 người. Uỷ ban này có trách nhiệm góp ý về chính sách và luật lệ, đóng vai trò như một viện của quốc hội. Về lâu về dài, một sự sửa đổi hiến pháp có thể nâng vai trò của uỷ ban này lên để nó trở thành một viện của quốc hội, gọi là Thượng nghị viện. Thượng nghị viện — đại diện cho chính quyền vùng — sẽ cùng với Hạ nghị viện gồm các dân biểu, chịu trách nhiệm làm luật và giám sát chính phủ.

Trong suốt một thời gian dài, hội đồng nhân dân ở các tỉnh hầu như không có vai trò gì đáng kể. Việc gộp các hội đồng nhân dân của các tỉnh trong vùng lại thành một hội đồng vùng. Hội đồng vùng gồm các dân biểu đại diện cho người dân ở các khu vực khác nhau trong vùng. Hội đồng vùng, như đã trình bày, là cơ quan bầu chọn ra thủ hiến vùng, giám sát các hoạt động của chính quyền vùng, và là một cơ quan đại diện cho tiếng nói của người dân trong vùng.

Như đã trình bày, chính quyền trung ương có thể dễ dàng phối hợp và giám sát hoạt động của 12 lãnh đạo vùng dễ dàng hơn nhiều khi so với việc giám sát hoạt động của 64 lãnh đạo của 64 tỉnh thành. Tuy vậy, nếu muốn chống tham nhũng, lãng phí ở cấp cơ sở, cũng như bảo đảm rằng các lãnh đạo ở các vùng, các địa phương, làm việc vì quyền và lợi ích của người dân, đem lại sự phát triển tối ưu cho người dân địa phương của mình, thì việc bảo đảm rằng các đại diện trong hội đồng vùng được sự tín nhiệm, được bầu chọn, và đại diện cho tiếng nói của người dân địa phương là điều bắt buộc.

Sắp xếp lại hệ thống hành chính quốc gia không chỉ là việc tinh giản các bộ ngành — mà ta có thể gọi là tinh giản theo chiều ngang — và sắp xếp lại nhân sự và nhiệm vụ — mà ta có thể gọi là tinh giản bên trong — mà nó còn phải là sự sắp xếp, phân quyền theo chiều dọc, tức tản quyền, để cho chính quyền địa phương và chính quyền trung ương chia sẻ trách nhiệm và quyền lực nhằm tối ưu hoá việc phụng sự và phát triển quốc gia. Đây không phải là những điều mới mẻ, bởi nó đã được rất nhiều nước áp dụng từ rất lâu và đã chứng tỏ sự thành công, đó là Mỹ, Canada, Úc, Đức, Malaysia, thậm chí là Trung Quốc, và còn nhiều nước khác.

Sau gần 50 năm kể từ ngày thống nhất đất nước, dân số Việt Nam đã tăng lên gấp đôi. Nhu cầu đảm bảo những dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, lao động, v.v. vì vậy cũng tăng lên. Hơn nữa, cùng với sự phát triển chung của nhân loại, nhiều tiện ích, dịch vụ, và nhu cầu mới đã xuất hiện, điều đó đòi hỏi chính quyền ngày càng đảm nhiệm nhiều hoạt động hơn để đáp ứng những nhu cầu của nhân dân và sự phát triển của đất nước. Việc chỉ mở rộng vai trò và nhân sự của chính quyền trung ương là không đủ, mà nó cần tản quyền để chia sẻ vai trò và trách nhiệm với các chính quyền địa phương nhằm tối ưu hoá nguồn lực của quốc gia.

# VIỆT NAM CẢI CÁCH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MỜ DẦN, CHỦ NGHĨA DÂN TỘC LÊN NGÔI



HUỲNH TRẦN

Việt Nam đang thay đổi để thích nghi với thế giới đang thay đổi phức tạp nhanh chóng. Dưới sự lãnh đạo của tân Tổng Bí thư Tô Lâm, Việt Nam đang cải cách thể chế “từ trên” để có thể bước vào cái gọi là “kỷ nguyên mới” với hàm ý là một thời kỳ cho dân tộc, quốc gia “vươn mình.” Dưới thời của người tiên nhiệm, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, chủ nghĩa xã hội là chủ thuyết phát triển được đề cao, nay đang “mờ dần” nhường chỗ cho chủ nghĩa dân tộc “lên ngôi.”

Việt Nam cần một chủ thuyết để phát triển, trong đó gọi là cách mạng, đổi mới, cải cách hay một thuật ngữ chính trị được lựa chọn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi thời kỳ tùy thuộc vào quy mô và tính chất tiến hành. Đổi Mới năm 1986 là một chương trình cải cách toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và nhiều khía cạnh khác của đời sống xã hội, được tuyên bố chính thức tại Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCS) lần thứ sáu, với mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Động lực dẫn đến đổi mới là cứu chế độ CS hiện hành sau những thất bại

của các chính sách kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp theo mô hình Liên Xô. Kinh tế được coi trối “từ dưới” theo hướng theo hướng thị trường, và theo nguyên lý, các lĩnh vực khác phải thay đổi để thích nghi.

Tuy nhiên, chủ thuyết chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lê-nin dần trở nên giáo điều để duy trì chế độ thay vì để phát triển. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo độc quyền của Đảng Cộng sản (ĐCS) là một hình thức của chế độ chính trị tập quyền cao với đặc trưng thúc đẩy người đứng đầu đảng nắm giữ quyền lực tuyệt đối. Bởi vậy, sự níu kéo ý thức hệ trong thời kỳ Đổi mới được phản ánh qua mỗi thế hệ lãnh đạo Đảng mà đỉnh cao là trong gần ba nhiệm kỳ, từ tháng 1 năm 2011 đến tháng 7/2024, khi ông Nguyễn Phú Trọng làm Tổng Bí thư từ Đại hội lần thứ 11 của ĐCS đến khi qua đời. Tô hồng khẩu hiệu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”, ông Trọng đã nỗ lực “làm mới” chủ nghĩa xã hội để làm chủ thuyết phát triển nhưng không những không thể làm giảm nguy cơ suy thoái chế độ vì quốc nạn tham nhũng trầm trọng và rối loạn xã hội vì hậu quả của nó mà còn cản trở động lực đổi mới...

Về bản chất, lý luận “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam, được cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cố gắng “đúc kết”, tương đồng với “chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Trung Quốc” dưới thời Tập Cận Bình. Sự tương đồng được nhìn nhận về lịch sử và ý thức hệ chính trị là “Little China.” [1], và trong thực tế, theo giới quan sát nước ngoài, đến nay Việt Nam vẫn bị coi là ‘mini-China.’[2] Trên tạp chí Asia Times tháng 1/2023 có bài viết với tựa đề *Vietnam’s ‘mini-China’ days may be numbered*, dịch sang



tiếng Việt nghĩa là Ngày nước ‘Tàu thu nhỏ’ của Việt Nam có lẽ sắp hết” tác giả William Pesek có cách nhìn “bi quan” về ‘việc Chủ tịch Phúc buộc phải từ chức có thể báo hiệu một hướng đi ít thân thiện với cải cách hơn ở một trong những nền kinh tế nóng nhất châu Á.’ Bản chất sự việc đã phức tạp hơn thế. Ngày 13/12/2024, Bộ Chính trị đã cảnh cáo ông Nguyễn Xuân Phúc do một số “vi phạm quy định của Đảng, Nhà nước trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ... và quy định những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; gây hậu quả nghiêm trọng, dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước.”[3]

Ông Tô Lâm lên nắm quyền Tân Tổng Bí thư ngay khi ông Nguyễn Phú Trọng qua đời giữa nhiệm kỳ, đã phát động cuộc cải cách thể chế “từ trên”, theo cách “vừa chạy vừa xếp hàng”, với tính chất và nội hàm khó lường. Trong thời gian ngắn với những hành động quyết liệt về nhân sự khẳng định tính chính danh tổng bí thư và nhiều bài phát biểu mang tính cá nhân, ông Tô Lâm đã thể hiện cách tiếp cận và chính sách cải cách. Trước hết, ông ấy cho rằng cần phải “đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng” và sau đó là những hành động biến những quy định, quy trình nghị sự, thủ tục, những phiên họp của Đảng, Chính phủ và Quốc hội ‘hiện hành’ trở nên nhanh chóng “bất thường” và đạt mục đích. Ông ấy tập trung vào việc “tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị” và nhấn mạnh như một “cuộc cách mạng”[4]... Những chuyển công du nước ngoài của “tứ trụ” đảng-nhà nước, nâng cấp quan hệ đối tác, tiếp đón các tập đoàn và kêu gọi đầu tư nước ngoài... với tần suất ‘chưa từng có’ nhằm quảng bá về sự đổi mới của chế độ, cải cách và sự cởi mở vì mục đích kinh tế... Với tất

cả những động thái đôi nội, đôi ngoại mạnh mẽ, quyết đoán thể hiện một tinh thần dân tộc, ông Tân Tổng Bí thư Tô Lâm đang thúc đẩy giới lãnh đạo chế độ hiện hành nỗ lực chuẩn bị cho “kỷ nguyên mới” để “dân tộc vươn mình.”

Thực tế đã chỉ ra chủ nghĩa xã hội đã không thể trở thành chủ thuyết phát triển ‘bền vững’ trong thời kỳ Đổi mới và, sự cải cách thể chế thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc. Nếu bỏ qua những định kiến về bản chất ‘cộng sản’ của chế độ hay những suy đoán về tương lai ‘công an trị’ xuất phát từ lực lượng an ninh là ‘nòng cốt’, thì ‘cuộc cách mạng’ lần này phản ánh một hình thức của chủ nghĩa dân tộc, quốc gia. Đó là một hệ tư tưởng nhấn mạnh lòng trung thành với một quốc gia hoặc quốc gia-dân tộc, và lợi ích của quốc gia quan trọng hơn lợi ích cá nhân hoặc lợi ích nhóm.

Ngoài các ý tưởng về quốc gia và nhà nước, bản sắc dân tộc, đoàn kết dân tộc, ranh giới chính trị và chủ quyền quốc gia, chủ nghĩa dân tộc nhấn mạnh đến “sự độc quyền bạo lực hợp pháp trong một lãnh thổ nhất định”<sup>[5]</sup> và ‘lòng trung thành chính trị’. Không phải là hệ tư tưởng ‘mới’, thậm chí Vladimir Lenin đã ủng hộ khái niệm “quyền tự quyết của các dân tộc,” nhưng ‘mới’ với chế độ cộng sản Việt Nam để phát động cải cách thể chế. Về nguyên lý, lý thuyết hiện đại hóa<sup>[6]</sup> được chấp nhận phổ biến nhất về chủ nghĩa dân tộc, đã đề xuất rằng chủ nghĩa dân tộc xuất hiện do các quá trình hiện đại hóa, chẳng hạn như công nghiệp hóa, đô thị hóa và giáo dục đại chúng, điều này làm cho ý thức dân tộc trở nên khả thi. Ngoài ra, chủ nghĩa dân tộc còn là một phong trào. Về mặt lịch sử, sự thức tỉnh của chủ nghĩa dân tộc trên khắp châu Á, phong trào giải phóng dân tộc đã giúp định hình lịch sử của lục địa này. Hơn thế, sự trỗi dậy của chủ nghĩa toàn cầu từ

cuối thế kỷ 20 đã dẫn đến sự gia tăng của chủ nghĩa dân tộc, dân túy...

Nếu chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam được thúc đẩy thì “tốt” sẽ nhiều hơn “xấu.” Trước hết về điều tốt, chủ nghĩa dân tộc làm ‘mờ dần’ chủ nghĩa xã hội giáo điều, cản trở đổi mới phát triển, khẳng định tinh thần độc lập tự chủ về ý thức hệ, kinh tế và địa chính trị... Đây là vấn đề phức tạp và, ‘cuộc cách mạng’ thể chế mới chỉ bắt đầu vì vậy cần được tiếp tục quan sát và nghiên cứu. Mong nhận được những ý kiến góp thêm từ các quý vị độc giả.

Tham khảo:

1. [https://en.wikipedia.org/wiki/Little\\_China\\_\(ideology\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Little_China_(ideology))
2. <https://asiatimes.com/2023/01/vietnams-mini-china-days-may-be-numbered/>
3. <https://vnexpress.net/ong-nguyen-xuan-phuc-truong-hoa-binh-va-ba-truong-thi-mai-bi-ky-luat-4827495.html>;
4. <https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-tap-trung-thuc-hien-thang-loi-cuoc-cach-mang-ve-to-chuc-bo-may-cua-he-thong-chinh-tri-102241119184806846.htm>
5. Weber, Max (1994). Weber: Political Writings. Cambridge: Cambridge University Press. pp. 309–331;
6. [https://en.wikipedia.org/wiki/Modernization\\_theory\\_\(nationalism\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Modernization_theory_(nationalism)).

**Nguồn:** Huỳnh Trần, “Việt Nam cải cách: chủ nghĩa xã hội mờ dần, chủ nghĩa dân tộc lên ngôi,” RFA, 14/12/2024.

# THỨC TỈNH ĐỂ NHẬN DIỆN CHÍNH MÌNH VÀ TÌM LỐI THOÁT CHO DÂN TỘC



VŨ ĐỨC KHANH

Những năm tháng trôi qua, cuộc sống của chúng ta dường như vẫn cứ thế, lặp đi lặp lại một cách đơn điệu và tẻ nhạt. Chúng ta làm việc để sinh tồn, cố gắng vượt qua những khó khăn hàng ngày, nhưng sâu thẳm trong tâm hồn, có bao giờ chúng ta tự hỏi: Chúng ta đang sống hay chỉ đang tồn tại? Liệu đây có phải là cuộc sống mà chúng ta đáng được hưởng, và đất nước này đang đi về đâu?

## 1. Sự trói buộc vô hình của “cá chấu, chim lông”

Nhiều người trong chúng ta nhận thức rõ rằng xã hội hiện tại đây rầy bất công, tham nhũng, và sự bóp nghẹt tự do. Nhưng tại sao chúng ta vẫn im lặng? Phải chăng vì chúng ta cảm thấy mình nhỏ bé và yếu đuối, không thể làm gì trước guồng máy khổng lồ? Hay vì nỗi sợ hãi đã ăn sâu vào máu, khiến chúng ta thà chấp nhận “cá chấu, chim lông” còn hơn liều mình tìm kiếm tự do?

Tuy nhiên, nếu chỉ an phận như thế, chúng ta không chỉ tự trói mình mà còn trói cả tương lai của con cháu mình. Một thế hệ sinh ra và lớn lên trong sự sợ hãi, thiếu thốn quyền cơ bản và cơ hội phát triển, liệu có thể thăng hoa hay chỉ tiếp tục lặp lại vòng luẩn quẩn của chúng ta?

## 2. Gia đình chúng ta thực sự được an toàn chưa?

Nhiều người nghĩ rằng việc không tham gia vào các vấn đề chính trị, không đặt câu hỏi, không phản kháng sẽ giúp họ và gia đình họ được “an toàn.” Nhưng liệu đó có phải là sự thật?

- Khi môi trường bị tàn phá, nguồn nước và không khí bị ô nhiễm, liệu gia đình bạn có thể sống khỏe mạnh?
- Khi hệ thống giáo dục mục nát, con cái bạn có thể nhận được tri thức cần thiết để vươn lên?
- Khi công lý bị chà đạp và quyền lực nằm trong tay một nhóm nhỏ, ai sẽ bảo vệ bạn nếu một ngày bạn trở thành nạn nhân?

Hãy nhìn những gia đình bị cưỡng chế đất đai, những người mất tài sản vì bất công pháp lý, hay những bệnh nhân phải chết oan vì hệ thống y tế yếu kém. Họ đều từng nghĩ rằng họ sẽ “an toàn,” nhưng sự thật đã chứng minh điều ngược lại.

## 3. Con đường của dân tộc: Đi tiếp hay dừng lại?

Lịch sử dân tộc Việt Nam là một câu chuyện đầy tự hào về những cuộc chiến giành lại độc lập và tự do. Nhưng giờ đây, khi kẻ thù không còn là giặc ngoại xâm mà là sự trì trệ, tham nhũng, và áp bức nội tại, chúng ta có đang làm tròn trách nhiệm với tổ tiên và con cháu?

Một dân tộc vĩ đại là một dân tộc biết khát khao vươn lên, dám đối diện với sự thật và tìm cách thay đổi. Hãy nhìn các quốc gia từng bị áp bức như Hàn Quốc, Ba Lan, Nam Phi. Họ đã vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất để xây dựng một xã hội tự do, dân chủ và thịnh vượng. Tại sao chúng ta không thế?

4. Thức tỉnh: Nhận diện chính mình và trách nhiệm với đất nước

Thức tỉnh không có nghĩa là nổi loạn. Thức tỉnh là khi chúng ta nhận ra rằng:

- Cuộc sống của chúng ta hôm nay không phải là định mệnh.
- Chúng ta có quyền mơ ước và đấu tranh cho một xã hội tốt đẹp hơn.
- Chúng ta có trách nhiệm không chỉ với bản thân mà còn với gia đình, cộng đồng và cả dân tộc.

Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi:

- Tại sao đất nước ta, với nguồn lực phong phú, lại vẫn nghèo?
- Tại sao những quyền cơ bản như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do bầu cử lại bị bóp nghẹt?
- Tại sao chúng ta phải sống trong sợ hãi và cam chịu thay vì ngẩng cao đầu?

5. Từ nhận thức đến hành động: Lối thoát nằm ở đâu?

Chúng ta không thể chờ đợi ai đó từ bên ngoài đến để giải phóng mình. Sự thay đổi phải đến từ chính người dân Việt Nam. Nhưng làm sao để khơi dậy sức mạnh tập thể?

- Lan tỏa nhận thức: Hãy chia sẻ những câu chuyện, thông tin để người xung quanh bạn hiểu rằng họ không đơn độc.
- Xây dựng cộng đồng: Tham gia vào các nhóm nhỏ để hỗ trợ nhau, cả về mặt tinh thần lẫn vật chất.
- Can đảm hành động: Đôi khi chỉ cần một nhóm nhỏ kiên định cũng đủ để khơi dậy ý chí của cả dân tộc.

Hãy nhớ rằng lịch sử luôn thuộc về những người dám hành động. Chúng ta không thể thay đổi quá khứ, nhưng chúng ta có thể quyết định tương lai.

## 6. Niềm tin vào một Việt Nam mới

Một đất nước tự do, dân chủ và thịnh vượng không phải là giấc mơ viễn vông. Đó là điều mà mỗi người Việt Nam xứng đáng được hưởng, và chúng ta hoàn toàn có thể đạt được nếu đồng lòng. Hãy tin rằng:

- Khi chúng ta đứng lên, không một thế lực nào có thể chặn được.
- Khi sự thật được lan tỏa, nỗi sợ hãi sẽ tan biến.

“Họ có thể chặn một vài con suối, nhưng họ không thể ngăn cả dòng sông.” Dòng sông đó chính là ý chí của nhân dân Việt Nam, là khát vọng tự do và hạnh phúc của hàng triệu con người.

Bao giờ là thời điểm của sự thay đổi?

Đất nước này thuộc về chúng ta, những người dân Việt Nam. Quyền làm chủ đất nước là quyền của mỗi người, và không một ai có thể tước đoạt nếu chúng ta không cho phép. Hãy thức tỉnh, nhận diện chính mình và cùng nhau tìm lối thoát, không chỉ cho bản thân mà còn cho thế hệ mai sau. Giờ đây không phải lúc để chờ đợi. Bây giờ chính là thời điểm của sự thay đổi.

14/12/2024



# LÝ DO TẠI SAO HỆ THỐNG PHÚC LỢI KIỂU CHÂU ÂU ĐANG DẪN ĐI ĐẾN HỒI KẾT



TIM WALLACE

Suốt hàng thập kỷ qua, giới tinh hoa cánh Tả của Anh đã ngưỡng mộ mô hình xã hội chi tiêu cao của châu Âu với một sự thán phục nhất định.

Pháp, Đức và các quốc gia Bắc Âu từ lâu đã được coi là hình mẫu, có lẽ qua lăng kính màu hồng, về những gì Vương quốc Anh có thể đạt được nếu chính phủ không quá keo kiệt.

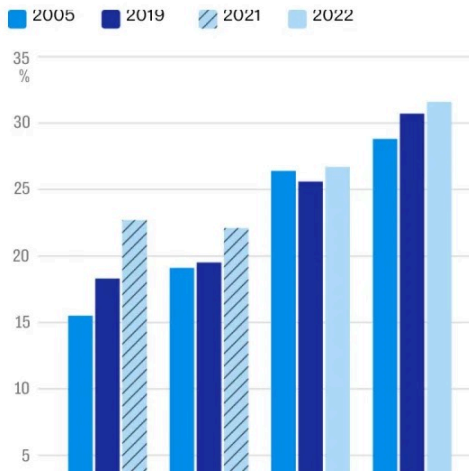
Dưới sự lãnh đạo của Sir Keir Starmer, Đảng Lao động quyết tâm xây dựng một nhà nước lớn hơn cho đất nước. Các dự báo chính thức được công bố cùng với Ngân sách vào tháng trước cho thấy chi tiêu của chính phủ sẽ chiếm khoảng 45% GDP.

Chưa bao giờ mức chi tiêu đạt được ở mức độ này trước đây; nó chỉ tăng vọt tạm thời trong những thời điểm tồi tệ nhất của đất nước – bao gồm đại dịch, cuộc khủng hoảng tài chính và cú sốc đầu mỏ những năm 1970.

Vậy là cuối cùng, Vương quốc Anh có cơ hội trở thành một nền dân chủ xã hội chi tiêu cao như mơ ước của Đảng Lao động.

Social spending is on the up

Public social spending, percentage of GDP



Thật không may, đây lại là thời điểm mà Christine Lagarde chọn để đưa ra một cảnh báo hết sức sắc bén: Các mô hình xã hội của châu Âu đang hoàn toàn không bền vững.

Những nền kinh tế yếu kém và thiếu tính cạnh tranh có nguy cơ cạn kiệt nguồn lực để duy trì các nhà nước phúc lợi rộng lớn của mình, trừ khi họ có thể đảo ngược hàng thập kỷ suy thoái tương đối và bất chước thành công vượt trội của Mỹ trong lĩnh vực công nghệ, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã cảnh báo.

“Tăng trưởng năng suất ở châu Âu đang ngày càng chậm lại, điều này có nghĩa là khả năng tạo ra thu nhập của chúng ta đang suy giảm. Nếu không có biện pháp kịp thời, chúng ta sẽ

phải đối mặt với một tương lai có thuế thấp hơn và tỷ lệ nợ cao hơn,” bà phát biểu trong một bài diễn văn tại Paris.

“Chúng ta đang đối diện với tỷ lệ phụ thuộc vào người già ngày càng tăng, điều này sẽ khiến chi tiêu công cho lương hưu gia tăng. Hơn nữa, ước tính các chính phủ sẽ phải chi hơn 1 nghìn tỷ euro (836 tỷ bảng Anh) mỗi năm để đáp ứng nhu cầu đầu tư cho biến đổi khí hậu, đổi mới sáng tạo và quốc phòng.

“Nếu chúng ta không thể nâng cao năng suất, chúng ta sẽ đối mặt với nguy cơ thiếu nguồn lực cho các khoản chi tiêu xã hội.”

Những áp lực này sẽ chỉ ngày càng gia tăng. Lương hưu, ví dụ, đang trở nên ngày càng đắt đỏ. Hơn một phần năm dân số của Tây Ban Nha, Đức và Pháp hiện đã trên 65 tuổi. Ở Italy, gần một phần tư dân số đã đạt đến độ tuổi này. Hai thập kỷ trước, không quốc gia nào có tỷ lệ dân số trên 65 tuổi vượt quá 20%.

Các dự báo từ Liên Hợp Quốc cho thấy sự gia tăng này sẽ còn rõ rệt hơn trong tương lai. Ở Italy, ví dụ, hơn một phần ba dân số sẽ trên 65 tuổi vào năm 2040.

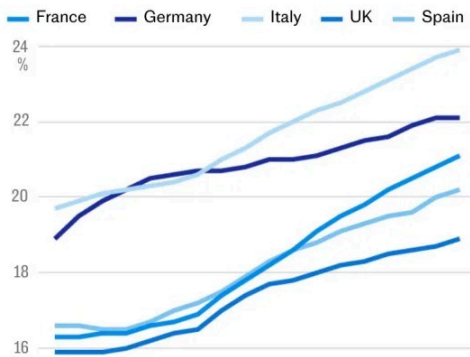
Tại Vương quốc Anh, không chỉ tỷ lệ người hưởng lương hưu đang gia tăng – mặc dù tuổi nghỉ hưu đã được nâng lên – mà mức độ hào phóng của các khoản trợ cấp mà họ nhận được cũng đang tăng lên.

Chế độ “khóa ba” có nghĩa là lương hưu nhà nước sẽ tăng theo mức cao nhất từ ba yếu tố: lạm phát, mức lương hoặc 2,5% mỗi năm, đồng nghĩa với việc các khoản trợ cấp lương hưu khi về già sẽ, theo thời gian, đảm bảo tăng nhanh hơn

thu nhập của những người nộp thuế, những người đóng góp cho chi phí này. Bên cạnh đó là chi phí chăm sóc sức khỏe cho những người hưởng lương hưu.

Như bà Lagarde đã phát biểu: “Chúng ta đang và sẽ tiếp tục phải đối mặt với chi phí ngày càng tăng do môi trường an ninh thay đổi, dân số già đi và quá trình chuyển đổi khí hậu.”

Populations are ageing rapidly  
Proportion of population aged 65+



Việc cắt giảm bất kỳ khoản trợ cấp nào trong số đó là vô cùng khó khăn, như các chính phủ Anh liên tiếp đã nhận ra. Không có gì ngạc nhiên khi các cử tri, những người đã đóng thuế để chi trả cho các thế hệ người hưởng lương hưu trước đây, cảm thấy bức xúc khi bị yêu cầu nhận ít hơn.

Tương tự, ở Pháp, Tổng thống Emmanuel Macron đã phải đối mặt với các cuộc biểu tình lan rộng phản đối kế hoạch tăng tuổi nghỉ hưu. Đảng Quốc gia của Marine Le Pen đã giành được nhiều chiến thắng trong cuộc tổng tuyển cử năm nay, một phần nhờ vào cam kết đảo ngược việc tăng tuổi nghỉ hưu.

Chi phí cũng đang gia tăng đối với các nhóm tuổi khác, với các khoản trợ cấp nuôi con hào phóng hơn ở Anh, cùng với sự gia tăng số lượng người nhận trợ cấp trong độ tuổi lao động.

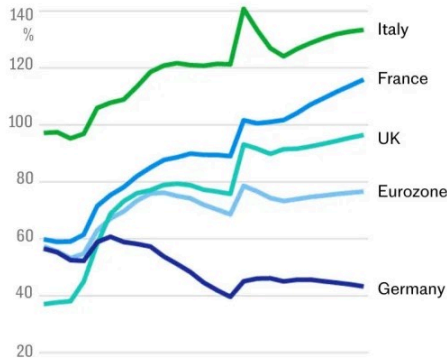
Châu Âu đang “tụt lại phía sau”

Nếu người châu Âu muốn tiếp tục tận hưởng những phúc lợi hào phóng như vậy, họ cần phải tìm cách chi trả cho các hóa đơn, bà Lagarde nói.

---

#### Debts are mounting

Government net debt, percentage of GDP



“Châu Âu đang phải đối mặt với nhiều sức ép. Tốc độ thay đổi công nghệ nhanh chóng do cuộc cách mạng số đã khiến chúng ta tụt lại phía sau,” bà Chủ tịch ECB và cựu Giám đốc điều hành Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) phát biểu.

“Chúng ta cần phải thích ứng nhanh chóng với một môi trường địa chính trị thay đổi và khôi phục lại vị thế đã mất về tính cạnh tranh và đổi mới sáng tạo. Nếu không làm được điều này, chúng ta có thể sẽ đánh mất khả năng tạo ra sự giàu có cần thiết để duy trì mô hình kinh tế và xã hội của

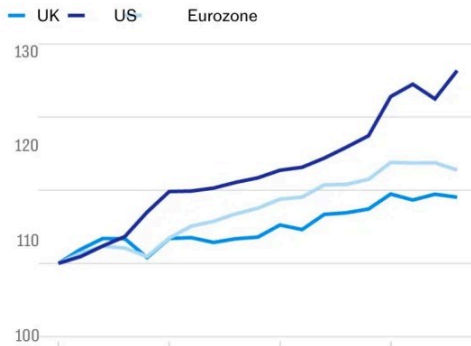
mình, một mô hình mà đại đa số người châu Âu vẫn hết sức trân trọng.”

Trong khi nền kinh tế Mỹ phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid, sự phục hồi của châu Âu lại khá khiêm tốn, với việc nền kinh tế Đức gần như không tăng trưởng so với mức năm 2019. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ đơn thuần là hậu quả của các đợt phong tỏa.

Trong suốt 20 năm qua, năng suất lao động ở Mỹ tăng gấp đôi so với khu vực đồng euro. Sản lượng mỗi giờ làm việc ở Mỹ đã tăng hơn một phần tư, trong khi ở khu vực đồng euro, con số này chưa đến 13%.

Tại Vương quốc Anh, tình hình còn tệ hơn, với năng suất lao động chỉ tăng chưa tới một phần mười.

US productivity has roared ahead  
Productivity index, 2005=100



Các công ty lớn nhất thế giới phản ánh rõ ràng vấn đề này. Xét theo vốn hóa thị trường, năm công ty lớn nhất – mỗi công ty trị giá hơn 2 nghìn tỷ USD – đều là của Mỹ, dẫn đầu là Apple. Tất cả đều là các công ty công nghệ, bao gồm Nvidia

(chế tạo chip), Microsoft, Alphabet (chủ sở hữu Google) và Amazon.

Ở vị trí thứ sáu, với giá trị chỉ 1,8 nghìn tỷ USD, là công ty không phải của Mỹ đầu tiên – Saudi Aramco, công ty dầu mỏ quốc doanh của Ả Rập Xê Út.

Hầu hết các công ty trong top 20 đều là của Mỹ. Công ty châu Âu đầu tiên nằm ở vị trí thứ 25 – Novo Nordisk của Đan Mạch, nổi tiếng với việc sản xuất Ozempic và Wegovy, và có giá trị thị trường gần nửa nghìn tỷ USD.

Công ty công nghệ lớn nhất châu Âu là SAP, một “gã khổng lồ” công nghệ kinh doanh của Đức, mặc dù chưa được chú ý nhiều, và là công ty niêm yết lớn thứ 37 trên thế giới.

Các ngành công nghiệp mà châu Âu từng là nhà lãnh đạo toàn cầu đang phải đối mặt với nguy cơ ngày càng gia tăng.

Ngành công nghiệp ô tô của Đức đang gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với các xe điện giá rẻ từ Trung Quốc, trong khi các tập đoàn thời trang và xa xỉ có thể đối mặt với rủi ro từ thuế quan nếu tổng thống đắc cử Donald Trump thực hiện cam kết trong chiến dịch của mình, áp thuế biên giới 10% hoặc thậm chí 20% đối với hàng hóa nhập khẩu.

LVMH, công ty lớn thứ 34 và là ngôi sao của ngành công nghiệp Pháp, xếp cao trong danh sách của Morgan Stanley về các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng từ thuế quan của Mỹ, do phần lớn các sản phẩm mà tập đoàn xa xỉ này bán tại thị trường Mỹ.

LVMH cũng dễ bị tổn thương trước bất kỳ sự suy giảm nào trong thương mại với Trung Quốc, điều này cho thấy mức độ

mà châu Âu dễ bị tác động bởi những căng thẳng địa chính trị.

Bà Lagarde cảnh báo châu Âu có nguy cơ rơi vào “cạm bẫy công nghệ trung bình”.

“Chúng ta đang chuyên môn hóa vào những công nghệ chủ yếu được phát triển trong thế kỷ trước. Chỉ có bốn trong số 50 công ty công nghệ hàng đầu thế giới là của châu Âu,” bà nói.

“Không giống như trước đây, châu Âu không còn đứng đầu trong tiến bộ nữa. Tăng trưởng năng suất của chúng ta – yếu tố quyết định sự thịnh vượng lâu dài – đang tụt lại so với Mỹ.”

Bên cạnh đó, các cuộc chiến thương mại và chi phí cho các cuộc chiến quân sự với Nga – mỗi đe dọa cấp bách nhất – đang khiến châu Âu thiếu chuẩn bị.

Như bà Lagarde đã chỉ ra, chính sự giàu có đã tạo ra các khoản thuế để tài trợ cho các nhà nước phúc lợi ở châu Âu ngay từ đầu.

Ánh sáng mặt trời đang dần tắt trên chủ nghĩa phúc lợi kiểu châu Âu. Sir Keir cần phải nhận ra điều này – tăng trưởng phải được ưu tiên hàng đầu.

–

**Nguồn:** Tim Wallace, “[Why the sun is setting on European-style welfarism](#),” *Yahoo Finance*, 20/11/2024.

**Biên dịch:** Phong trào Duy Tân.



# KINH TẾ TRUNG QUỐC SẼ THẾ NÀO VÀO NĂM 2025



HUANG YIPING

*Nếu các xu hướng tích cực gần đây tiếp tục, tăng trưởng GDP của Trung Quốc có thể sẽ phục hồi trở lại khoảng 5% trong quý IV năm 2024. Tuy nhiên, với một ngành bất động sản đang gặp khó khăn, các chính quyền địa phương đang chịu gánh nặng nợ nần, cùng với một tổng thống đắc cử Mỹ có thái độ dôi dẫu, triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc vào năm 2025 vẫn còn rất bất định.*

**BẮC KINH** – Tăng trưởng GDP của Trung Quốc đã chậm lại trong ba quý đầu năm 2024, từ 5,3% xuống 4,7% và 4,6%, làm dấy lên lo ngại rằng quốc gia này có thể không đạt được mục tiêu tăng trưởng hàng năm khoảng 5%. Tuy nhiên, các số liệu gần đây cho thấy nền kinh tế Trung Quốc có thể đang bước vào giai đoạn phục hồi.

Kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, nền kinh tế Trung Quốc đã có sự suy giảm đáng kể. Điều này không hẳn là bất ngờ, ít nhất là không phải ngay từ đầu: ba năm phong tỏa trong đại dịch đã đặt gánh nặng lớn lên bảng cân đối kế toán của các hộ gia đình, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Thêm vào đó, sự mất niềm tin của doanh nghiệp –

phần nào do các biện pháp siết chặt trong lĩnh vực tài chính, bất động sản và nền kinh tế nền tảng – cũng làm tình hình thêm khó khăn.

Vào đầu năm 2021, khi Mỹ vượt qua đợt phong tỏa tồi tệ nhất, các hộ gia đình Mỹ nhanh chóng bắt đầu chi tiêu khoản tiền họ đã tích lũy được. Trong khi đó, các hộ gia đình Trung Quốc tiếp tục tiết kiệm ngay cả khi các biện pháp phong tỏa đã kết thúc. Từ tháng 1/2020 đến tháng 8/2024, tiền gửi ngân hàng của các hộ gia đình Trung Quốc đã tăng lên 65,4 nghìn tỷ nhân dân tệ (9 nghìn tỷ USD), với phần lớn trong số đó thuộc về tầng lớp giàu có.

Chính phủ Trung Quốc đã triển khai một số chính sách hỗ trợ trong giai đoạn này, nhưng trái ngược với các đợt khủng hoảng trước, chính phủ đã không thực hiện các gói kích thích mạnh mẽ vì lo ngại các tác dụng phụ. Gói kích thích lớn mà chính phủ đưa ra sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã thúc đẩy tăng trưởng, nhưng cũng tạo ra bong bóng bất động sản, làm tăng nợ của chính quyền địa phương và giảm hiệu quả đầu tư.

Tuy nhiên, vào cuối quý III năm 2024, khi rõ ràng nền kinh tế Trung Quốc cần thêm sự hỗ trợ để duy trì đà tăng trưởng, chính phủ đã điều chỉnh chiến lược. Vào cuối tháng 9, Thống đốc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Pan Gongsheng, đã công bố ba biện pháp chính: giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng, cắt giảm lãi suất chính sách và triển khai các công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ thị trường chứng khoán.

Hơn nữa, vào ngày 12 tháng 10, Bộ trưởng Tài chính Trung Quốc, Lan Fo'an, thông báo các biện pháp tài khóa mới sẽ tập trung vào việc giải quyết nợ công của các chính quyền địa

phương, ổn định thị trường bất động sản và hỗ trợ việc làm. Ông cũng đưa ra kế hoạch hoán đổi nợ trị giá 10 nghìn tỷ nhân dân tệ cho các chính quyền địa phương vào đầu tháng 11.

Cả Pan và Lan đều cho rằng sẽ có thêm các biện pháp kích thích trong thời gian tới. Lan cũng chỉ ra rằng chính phủ trung ương vẫn còn dư địa để gia tăng nợ công và thâm hụt ngân sách. Tuy nhiên, dữ liệu gần đây về các chỉ số kinh tế nhạy cảm – thường phản ứng nhanh chóng trước các thay đổi trong chính sách vĩ mô – cho thấy các biện pháp của chính phủ đã bắt đầu phát huy tác dụng ngay lập tức.

Vào tháng 10, tổng “tài chính xã hội” (tổng tài trợ cho nền kinh tế thực) đã tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, dư nợ cho vay ngân hàng tăng 7,7%. Doanh thu bán lẻ tăng 4,8% so với năm trước và tăng 1,6 điểm phần trăm so với tháng trước. Chỉ số PMI ngành sản xuất đạt 50,1 sau ba tháng dưới mức 50 và tiếp tục tăng lên 50,3 vào tháng 11.

Tin vui hơn nữa là tỷ lệ thất nghiệp đô thị giảm 0,1 điểm phần trăm trong tháng 10, xuống còn 5%. Thị trường bất động sản cũng có sự cải thiện dù doanh thu từ bán đất và đầu tư vào bất động sản vẫn yếu. Nếu những xu hướng tích cực này tiếp tục, tăng trưởng GDP có thể sẽ đạt khoảng 5% trong quý IV năm 2024.

Tuy nhiên, triển vọng cho năm 2025 vẫn còn chưa rõ ràng. Nếu Trung Quốc muốn đạt được tăng trưởng GDP 5% vào năm tới – giả sử đây là mục tiêu của chính phủ – các nhà hoạch định chính sách sẽ phải vượt qua ba thách thức chính, bắt đầu từ việc ổn định ngành bất động sản, ngành đóng góp

khoảng 20% vào tăng trưởng GDP và chiếm 70% tài sản của các hộ gia đình.

Thách thức thứ hai là vấn đề tài chính của các chính quyền địa phương. Thiếu hụt ngân sách gần đây đã buộc các chính quyền địa phương phải cắt giảm chi tiêu, như giảm lương cán bộ, và tìm cách tăng thu ngân sách, ví dụ như thu hồi thuế từ các doanh nghiệp và thâm chí bắt giữ các doanh nhân tư nhân từ các khu vực khác. Những hành động này rõ ràng không có lợi cho tăng trưởng.

Vấn đề cốt lõi là các chính quyền địa phương đang gánh vác những nhiệm vụ chi tiêu vượt quá khả năng tài chính của họ, khi nguồn thu ngân sách không còn được bổ sung từ việc bán đất và các công cụ đầu tư địa phương. Chính phủ trung ương cần phải khẩn trương chuyển giao một phần lớn ngân sách chung cho các chính quyền địa phương. Quan trọng hơn, Trung Quốc cần tái cấu trúc lại sự phân bổ trách nhiệm tài chính giữa các cấp chính quyền.

Thách thức lớn thứ ba Trung Quốc sẽ phải đối mặt vào năm 2025 là Tổng thống đắc cử Hoa Kỳ, Donald Trump, người đã cam kết sẽ áp dụng thuế suất 60% đối với tất cả các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc trong năm đầu tiên tại nhiệm. Với việc xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ chiếm khoảng 3% GDP, những mức thuế này – thậm chí nếu thấp hơn nhiều – sẽ có tác động đáng kể đến tăng trưởng của Trung Quốc vào năm 2025. Ngân hàng UBS, chẳng hạn, đưa báo rằng tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ chỉ đạt 4% vào năm 2025.

Có rất nhiều tranh luận ở Trung Quốc về việc liệu nền kinh tế cần cải cách cấu trúc hay cần thêm các biện pháp kích thích

vĩ mô. Sự thật là nền kinh tế cần cả hai. Một gói kích thích mạnh mẽ, với các biện pháp tài khóa có trọng tâm rõ ràng, cần phải được triển khai trước tiên vì nó sẽ tạo ra sự khác biệt lớn nhất trong ngắn hạn. Tuy nhiên, khi gói kích thích đã đi vào thực tiễn, chính phủ cần tập trung vào các cải cách cấu trúc, đặc biệt là việc xây dựng lại niềm tin của người tiêu dùng, nhà đầu tư và doanh nhân.

Trong năm qua, chính phủ Trung Quốc đã công bố một số tài liệu chính sách nhằm phục hồi niềm tin. Tuy nhiên, với việc thị trường chưa hoàn toàn tin tưởng, chính phủ cần phải thực hiện mạnh mẽ và rõ ràng hơn nữa các biện pháp đã công bố, chẳng hạn như tăng cường bảo vệ các doanh nghiệp tư nhân. Việc giảm bớt sự kiểm tra và áp lực đối với các doanh nhân, đặc biệt là trong việc thu hồi thuế cũ, cũng sẽ giúp củng cố niềm tin của giới doanh nghiệp.

—

Huang Yiping, Hiệu trưởng Trường Phát triển Quốc gia và giáo sư tại Đại học Bắc Kinh, là thành viên của Ủy ban Chính sách Tiền tệ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc.

**Nguyên:** Huang Yiping, “What Will Happen to China’s Economy in 2025?,” *Project Syndicate*, 11/12/2024.

**Biên dịch:** Phong trào Duy Tân.

# CÁCH TRUMP CÓ THỂ KẾT THỨC CUỘC CHIẾN Ở UKRAINE



MICHAEL MCFAUL

*Thuyết phục Kyiv đánh đổi đất để lấy tư cách thành viên NATO.*

Tại một hội thảo công cộng của CNN vào tháng 5 năm 2023, Donald Trump đã cam kết rằng nếu được bầu lại, ông sẽ kết thúc cuộc chiến ở Ukraine trong một ngày. Lời cam kết mạnh mẽ này đã trở thành một khẩu hiệu quen thuộc, với việc Tổng thống đắc cử khẳng định rằng ông là người duy nhất có khả năng đưa Nga và Ukraine vào bàn đàm phán và buộc họ phải đạt được thỏa thuận ngừng bắn. Việc ông sắp quay lại Nhà Trắng đã tạo ra rất nhiều suy đoán ở cả hai bờ Đại Tây Dương về triển vọng của một thỏa thuận hòa bình. Kể từ khi Nga phát động cuộc xâm lược toàn diện vào năm 2022, Kyiv và các đối tác của mình đã rất dè dặt trong việc thể hiện sự quan tâm đến các cuộc đàm phán, vì lo sợ rằng điều này có thể bị coi là yếu đuối. Tuy nhiên, việc Trump tái đắc cử giờ đây tạo cơ hội cho Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky tự do hơn trong việc tham gia các cuộc đàm phán: ông có thể lập luận rằng mình không còn sự lựa chọn nào khác. Vào cuối

tháng 11, trong một cuộc phỏng vấn với Sky News, Zelensky đã gợi ý rằng ông thực sự sẵn sàng tham gia đàm phán.

Tuy nhiên, tình hình hiện tại không thuận lợi cho một thỏa thuận hòa bình. Các cuộc chiến tranh thường kết thúc theo hai cách: một bên chiến thắng hoặc xảy ra bế tắc. Tại Ukraine, không bên nào có vẻ gần chiến thắng, nhưng cuộc chiến vẫn chưa rơi vào bế tắc. Tổng thống Nga Vladimir Putin tin rằng ông đang chiến thắng. Nếu Trump đe dọa cắt viện trợ cho Ukraine, Putin sẽ càng thêm tự tin trong việc tiếp tục chiến đấu, thay vì kết thúc cuộc xâm lược; quân đội đang tiến thường hiếm khi dừng lại khi đối thủ của họ sắp yếu đi. Nếu Putin cảm thấy rằng Trump và đội ngũ của ông đang cố gắng làm dịu lòng Kremlin, ông ta sẽ càng trở nên hung hăng hơn, chứ không phải ít đi.

Những bài học từ các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Taliban trong nhiệm kỳ đầu của Trump có thể giúp ông suy nghĩ về cách đối phó với Putin. Taliban và chính quyền Trump đã đàm phán một thỏa thuận có lợi rất nhiều cho nhóm chiến binh này, nhưng chính quyền Biden vẫn tôn trọng thỏa thuận đó. Các điều khoản của thỏa thuận bao gồm ngừng bắn, một lộ trình rút quân của Mỹ, và cam kết về một thỏa thuận chính trị trong tương lai giữa chính phủ Afghanistan và Taliban. Tuy nhiên, Taliban không thực sự cam kết với thỏa thuận; thay vào đó, họ đã sử dụng kế hoạch hòa bình đó như một bước đệm trên con đường giành chiến thắng hoàn toàn. Việc nhượng bộ Taliban không tạo ra hòa bình. Nhượng bộ Putin cũng sẽ không mang lại hòa bình. Thay vì chỉ đơn giản trao cho Putin mọi thứ ông ta muốn — điều này không phải là minh chứng cho tài năng đàm phán mà Trump đã tuyên bố — Trump nên xây dựng một kế hoạch tinh vi hơn, khuyến khích

Ukraine tạm thời nhượng lại một phần lãnh thổ cho Nga để đổi lấy sự an toàn và bảo vệ mà việc gia nhập NATO sẽ mang lại. Chỉ có một sự thỏa hiệp như vậy mới có thể mang lại hòa bình lâu dài.

## LÁ BÀI TRUMP

Trong các tuyên bố của mình, Trump và nhiều người ủng hộ ông đã bày tỏ sự hoài nghi về việc Mỹ hỗ trợ Ukraine. Họ cho rằng viện trợ Kyiv đang tốn kém tài chính Mỹ và không giúp gì nhiều trong việc kết thúc chiến tranh. Tuy nhiên, việc đột ngột cắt viện trợ cho Ukraine vào lúc này sẽ không mang lại hòa bình; trái lại, nó chỉ khiến Nga càng thêm quyết tâm trong việc tiếp tục cuộc xâm lược. Để tiến tới một thỏa thuận hòa bình, Trump trước tiên nên đẩy mạnh việc cung cấp viện trợ quân sự cho Ukraine mà Mỹ đã phê duyệt và sau đó thông báo ý định cung cấp thêm vũ khí để ngừng cuộc tấn công hiện tại của Nga ở Donbas, khu vực miền Đông Ukraine đang tranh chấp, từ đó tạo ra bế tắc trên chiến trường. Putin chỉ thực sự đàm phán nghiêm túc khi các lực lượng vũ trang Nga không còn khả năng chiếm thêm lãnh thổ Ukraine — hoặc lý tưởng hơn, dù ít khả năng hơn, khi quân đội Nga bắt đầu mất đất. Để các cuộc đàm phán nghiêm túc có thể bắt đầu, Putin phải tin rằng Mỹ sẽ không từ bỏ Ukraine.

Sau khi thuyết phục Putin tham gia đàm phán, Trump còn phải thuyết phục Zelensky ngừng chiến đấu. Đây sẽ là một thử thách lớn, vì điều này đòi hỏi Tổng thống Ukraine phải từ bỏ mục tiêu giải phóng toàn bộ lãnh thổ Ukraine bị quân đội Nga chiếm đóng. Khi nhượng bộ lãnh thổ, Zelensky cũng sẽ phải bỏ rơi những công dân của mình ở các khu vực bị chiếm đóng, hoặc tìm cách đảm bảo rằng họ sẽ được phép di cư sang Ukraine phía Tây. Không một nhà lãnh đạo dân cử nào



dễ dàng đưa ra một sự nhượng bộ như vậy. Một cuộc khảo sát thực hiện vào mùa thu này cho thấy 88% người Ukraine vẫn tin rằng Ukraine sẽ chiến thắng trong cuộc chiến. Các binh sĩ Ukraine, nhiều người trong số họ hiện đang chiến đấu để trả thù cho các đồng đội đã hy sinh, sẽ rất khó khăn khi phải đặt vũ khí xuống.

Zelensky và người dân Ukraine sẽ không chấp nhận hy sinh như vậy mà không nhận lại một thứ gì đó xứng đáng: tư cách thành viên NATO. Việc gia nhập NATO ngay lập tức sẽ giúp xoa dịu phần nào sự nhượng bộ đau đớn khi phải chấp nhận một phần lớn đất nước mình vẫn nằm dưới sự chiếm đóng của Nga. Đây là lá bài duy nhất mà Trump có thể sử dụng để thuyết phục người Ukraine ngừng chiến đấu.

Tư cách thành viên NATO của Ukraine cũng là cách duy nhất để duy trì hòa bình lâu dài dọc theo biên giới giữa Nga và Ukraine, bất kể biên giới cuối cùng sẽ được vạch ra như thế nào. Các bảo đảm an ninh yếu ớt đối với Ukraine, như Bản Tuyên bố Budapest năm 1994, trong đó Nga, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ cam kết bảo vệ an ninh cho Ukraine để đổi lấy việc Kyiv giao nộp kho vũ khí hạt nhân cho Moscow, hay các đề xuất hỗ trợ gần đây từ các quốc gia riêng lẻ, đều thiếu tính thuyết phục. Người Ukraine hiểu rõ rằng Putin chưa bao giờ tấn công một quốc gia thành viên NATO, nhưng đã xâm lược Gruzia vào năm 2008, xâm lược Ukraine vào năm 2014 và 2022, và vẫn duy trì quân đội ở Moldova. Họ đã chứng kiến Nga ký kết rồi vi phạm nhiều hiệp ước và thỏa thuận quốc tế cấm sử dụng vũ lực chống lại Ukraine. Những mảnh giấy không thể kiềm chế sự hung hăng của Nga. Người Ukraine lo ngại rằng một lệnh ngừng bắn khi không có tư cách thành viên NATO sẽ chỉ tạo điều kiện cho quân đội Nga

và tổ hợp quân sự – công nghiệp của Nga có thời gian củng cố sức mạnh và chuẩn bị cho một cuộc xâm lược trong tương lai. Chính xác là điều này đã xảy ra từ năm 2014 đến 2022. Nếu người Ukraine phải chấp nhận một cuộc chiếm đóng kéo dài của Nga đối với khoảng một phần năm đất nước họ, họ cần một cơ chế răn đe đáng tin cậy mà chỉ NATO mới có thể cung cấp.

Trong một sự thỏa hiệp như vậy, thời điểm NATO chính thức mời Ukraine gia nhập sẽ rất quan trọng. Liên minh phải phát đi lời mời ngay khi Zelensky và Putin đồng ý ngừng chiến đấu. Sau khi NATO mời Ukraine gia nhập, các quốc gia thành viên cần phê chuẩn việc gia nhập nhanh chóng. Trump cần thể hiện sự ủng hộ rõ ràng của mình để các lãnh đạo NATO khác không làm trì hoãn quá trình phê chuẩn. Hiện nay, Trump có một nguồn lực chính trị rất lớn có thể tác động đến một số quốc gia thành viên tiềm năng phản đối, bao gồm Thủ tướng Hungary Viktor Orban và Thủ tướng Slovakia Robert Fico. Ông nên tận dụng sức ảnh hưởng này ngay từ những ngày đầu nhiệm kỳ để đảm bảo một thỏa thuận nhanh chóng và chấm dứt cuộc chiến tàn khốc ở Ukraine.

## MỘT NGÀY CHIẾN THẮNG CHO TẤT CẢ

Những người hoài nghi cho rằng Putin sẽ không bao giờ chấp nhận việc Ukraine gia nhập NATO. Tuy nhiên, Ukraine và các quốc gia thành viên NATO không cần phải xin phép Putin. Putin không có vai trò gì trong các cuộc đàm phán giữa Ukraine và liên minh. Việc để ông ta can thiệp hoặc trì hoãn các cuộc đàm phán này sẽ chỉ thể hiện sự yếu kém của Mỹ, không chỉ đối với Moscow mà còn với Bắc Kinh.

Những người hoài nghi này cũng đánh giá quá cao mối lo ngại của Putin về việc Ukraine gia nhập NATO. Putin không xâm lược Ukraine vào năm 2022 để ngừng sự mở rộng của NATO. Trước năm 2022, việc Ukraine gia nhập NATO là một giấc mơ xa vời, và tất cả mọi người ở Brussels, Kyiv, Moscow và Washington đều hiểu điều đó. Mục đích của cuộc xâm lược của Putin không phải là chống lại NATO mà là để thống nhất người Ukraine và người Nga thành một dân tộc Slav, lật đổ chính phủ dân chủ và phương Tây của Ukraine, và phi quân sự hóa đất nước này. Putin gần như không phản ứng khi Phần Lan và Thụy Điển gia nhập NATO vào năm 2023 và 2024, mặc dù Phần Lan có biên giới dài 830 dặm với Nga. Cuộc chiến của ông ta đã đẩy Ukraine đến gần NATO hơn, chứ không kéo xa ra.

Tuy nhiên, nếu Nga vẫn khẳng định rằng việc Ukraine gia nhập NATO đe dọa đến Nga — và chắc chắn họ sẽ làm vậy — Trump có thể giải thích với Putin rằng việc gia nhập NATO sẽ kìm chế Ukraine. Zelensky, tất nhiên, sẽ không bao giờ chính thức công nhận việc Nga sáp nhập các vùng lãnh thổ Ukraine bị chiếm đóng. Tuy nhiên, khả năng gia nhập NATO có thể khiến ông đồng ý với một công thức trong đó Kyiv chỉ tìm kiếm sự thống nhất của Ukraine qua các biện pháp hòa bình. Tây Đức và Hàn Quốc đã đồng ý với các điều khoản tương tự để đổi lấy các hiệp ước quốc phòng với NATO và Hoa Kỳ. Là một điều kiện để gia nhập liên minh, Zelensky và các tướng lĩnh của ông có thể sẽ phải rút quân khỏi khu vực Kursk của Nga, nơi họ đã duy trì các vị trí từ tháng Tám. NATO là một liên minh phòng thủ. Liên minh này chưa bao giờ tấn công Liên Xô hay Nga, và sẽ không bao giờ làm vậy. Putin hiểu điều này.

Nếu được thực hiện vào thời điểm thích hợp, khi chiến tranh kết thúc, ngày Ukraine được mời gia nhập NATO sẽ là ngày vinh quang nhất trong sự nghiệp của Putin. Ông sẽ có thể tuyên bố với người dân Nga và thế giới rằng cuộc xâm lược của ông là một thành công, rằng ông đã “chiến thắng.” Putin sẽ tổ chức một cuộc diễu hành chiến thắng trên Quảng trường Đỏ, với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, Iran và Triều Tiên đứng bên cạnh ông, trên mộ Lenin. Ông sẽ tự đặt mình vào sách sử Nga, ngang hàng với Peter Đại Đế, Catherine Đại Đế và Stalin như một nhà lãnh đạo Kremlin đã mở rộng biên giới của đế chế Nga. Trong “ngày chiến thắng” đó, ông sẽ không muốn làm hỏng chiến thắng của mình bằng cách bắt đầu một cuộc chiến mới hoặc đe dọa một cuộc chiến để ngăn chặn việc Ukraine gia nhập NATO.

Một số chính trị gia ở các quốc gia NATO, bao gồm Đức và Hungary, đã bày tỏ lo ngại rằng việc Ukraine gia nhập liên minh có thể gây ra Chiến tranh Thế giới thứ Ba. Họ cho rằng, vì một phần lãnh thổ Ukraine đang bị Nga chiếm đóng, một cuộc chiến rộng hơn sẽ là điều không thể tránh khỏi nếu Ukraine gia nhập NATO. Tuy nhiên, phân tích này là sai lầm. Sau ba năm chiến tranh đau thương với Ukraine, Putin không còn hứng thú với việc chiến đấu với liên minh mạnh nhất thế giới, được hỗ trợ bởi quân đội Mỹ, quân đội mạnh nhất thế giới. Quân đội Nga đã phải chịu những tổn thất khủng khiếp mà chỉ thu được những tiến bộ nhỏ trên chiến trường trước một đối thủ Ukraine thiếu trang bị và quân số. Putin sẽ không dám đối đầu với quân đội Mỹ hùng mạnh và các đồng minh của họ sau khi khoảng 78.000 binh sĩ Nga đã thiệt mạng ở Ukraine – một con số, theo một số ước tính, có thể lên đến từ 400.000 đến 600.000 khi tính cả số binh sĩ Nga bị thương. Điện Kremlin đang phải vất vả tìm kiếm lực lượng lao

động, trong khi các nhà máy quân sự của Nga gặp khó khăn trong việc tái cung cấp vũ khí hiện đại do các lệnh trừng phạt.

Các lãnh đạo Đức, đặc biệt, nên hiểu rõ lợi ích của việc gia nhập NATO đối với một quốc gia chia cắt. Tây Đức gia nhập NATO vào năm 1955. Hành động này không dẫn đến Chiến tranh Thế giới thứ Ba, mặc dù Tây Berlin bị bao vây bởi lãnh thổ Đông Đức. Ngược lại, việc gia nhập NATO đã giúp duy trì hòa bình. Nếu không có NATO, Tây Đức có thể đã không tồn tại khi quân đội Đỏ Liên Xô đứng ngay bên kia biên giới ở Đông Đức.

Nói rộng ra, Châu Âu sẽ được hưởng lợi kinh tế từ một Ukraine ổn định và an toàn. Các đồng minh NATO sẽ không còn phải cung cấp hàng tỷ đô la viện trợ cho Kyiv hoặc chăm sóc hàng triệu người tị nạn Ukraine đang gây áp lực lên các hệ thống phúc lợi ở các quốc gia Châu Âu. Cũng giống như NATO đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Tây Âu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, việc Ukraine gia nhập NATO sẽ giúp nền kinh tế của tất cả các quốc gia thành viên NATO hưởng lợi từ thương mại và đầu tư vào một nền kinh tế Ukraine hậu chiến đang phát triển mạnh mẽ. Nền kinh tế Mỹ cũng sẽ được hưởng lợi, đặc biệt là từ việc tiếp cận các khoáng sản quan trọng của Ukraine phục vụ cho các pin tiên tiến và các công nghệ thiết yếu khác, điều này có thể giúp giảm sự phụ thuộc của Mỹ vào các nhà cung cấp độc tài không ổn định.

## NGƯỜI TRUNG GIAN

Tất nhiên, một người nữa cần được thuyết phục về lợi ích của kế hoạch hòa bình này: Trump. Với sự hoài nghi trước đây của ông về viện trợ cho Ukraine và NATO nói chung, việc

thuyết phục ông đi theo con đường này sẽ không dễ dàng. Tuy nhiên, thỏa thuận này lại hỗ trợ một số mục tiêu của Trump. Bằng cách đưa Ukraine vào NATO, Trump có thể đạt được một chiến thắng lớn cho một trong những ưu tiên chính sách đối ngoại của mình: chia sẻ gánh nặng. Sau khi gia nhập NATO, lực lượng vũ trang Ukraine sẽ ngay lập tức trở thành quân đội mạnh nhất và có kinh nghiệm nhất trong liên minh. Các binh sĩ Ukraine có thể được điều động đến các quốc gia tuyến đầu khác, giúp Washington giảm bớt cam kết quân sự của mình. Ukraine cũng có thể cung cấp cho các đồng minh NATO khác, đặc biệt là những quốc gia có chung biên giới với Nga, các loại máy bay không người lái trên không, trên biển và trên đất liền mà quân đội Ukraine đã làm chủ trong cuộc phòng thủ đất nước. Trump có thể giải thích với người dân Mỹ rằng việc Ukraine gia nhập NATO sẽ giúp Hoa Kỳ chi tiêu ít hơn cho quốc phòng châu Âu và giải phóng nguồn lực để đối phó với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Một động thái như vậy sẽ nhận được sự ủng hộ từ nhiều chính trị gia trong chính quyền mới của Trump, những người cứng rắn với Trung Quốc.

Kế hoạch này sẽ ngăn chặn sự sụp đổ và chinh phục mà Mỹ đã trải qua sau khi rút quân khỏi Afghanistan vào năm 2021. Nó cũng sẽ mang lại một nền hòa bình lâu dài cho châu Âu, chứ không phải chỉ là một lệnh ngừng bắn tạm thời để bị Nga vi phạm trong tương lai. Nếu Trump thành công trong việc trung gian cho thỏa thuận này, ông có thể trở thành một ứng cử viên cho Giải Nobel Hòa Bình, một danh hiệu mà ông mong muốn.

Khả năng thành công của kế hoạch này có thể gặp nhiều trở ngại. Cả Putin và Zelensky đều không dễ dàng bị thuyết phục

ngồi vào bàn đàm phán, và Trump có thể không thích việc phải duy trì và thậm chí mở rộng sự ủng hộ đối với Ukraine như một cách để thúc đẩy đàm phán. Tuy nhiên, một cuộc chiến vô tận hay sự đầu hàng trước Putin sẽ tồi tệ hơn rất nhiều.

–

Michael McFaul là Giáo sư Khoa học Chính trị, Nghiên cứu viên Cao cấp tại Viện Hoover, và Giám đốc Viện Nghiên cứu Quốc tế Freeman Spogli tại Đại học Stanford. Ông từng là Đại sứ Hoa Kỳ tại Nga từ năm 2012 đến 2014. Ông là tác giả của cuốn sách *From Cold War to Hot Peace: A U.S. Ambassador in Putin's Russia*.

**Nguồn:** Michael McFaul, "How Trump Can End the War in Ukraine," *Foreign Affairs*, 12/12/2024.

**Biên dịch:** Phong trào Duy Tân.

# LIỆU TRUMP CÓ THỂ TÁCH TRUNG QUỐC VÀ NGA?



ALEXANDER GABUEV

*Tại sao mối quan hệ đối tác giữa Bắc Kinh và Moscow sẽ khó mà phá vỡ?*

“Một điều bạn không bao giờ muốn xảy ra là Nga và Trung Quốc liên kết với nhau. Tôi sẽ phải làm cho họ không còn liên kết nữa, và tôi nghĩ tôi có thể làm được điều đó,” Donald Trump tự hào tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn với bình luận viên chính trị Tucker Carlson vào tháng Mười. Trong chiến dịch tranh cử của mình, tổng thống đắc cử đã nhiều lần khẳng định rằng ông sẽ chấm dứt chiến tranh ở Ukraine trong 24 giờ và sẽ cứng rắn hơn nhiều với Trung Quốc so với Tổng thống Joe Biden. Tuy nhiên, Trump chưa bao giờ giải thích rõ ràng kế hoạch cụ thể để làm cho họ không còn liên kết này là gì, và dựa trên hồ sơ của ông, có thể ông sẽ nghĩ ra một kế hoạch ngay khi cần. Tuy vậy, những dấu hiệu ban đầu cho thấy chính quyền sắp tới có thể sẽ tìm cách làm suy yếu mối quan hệ đối tác giữa Trung Quốc và Nga bằng cách giảm căng thẳng (và thậm chí là cải thiện mối quan hệ) với Moscow nhằm gây sức ép lên Bắc Kinh — một chiến lược có thể được coi là sự đảo ngược của những gì Ngoại trưởng Henry Kissinger đã làm hơn 50 năm trước, khi Mỹ theo đuổi



chính sách xoa dịu với Trung Quốc để khai thác sự chia rẽ giữa Trung Quốc và Liên Xô. Quan điểm này dường như được nhiều người trong thế giới của Trump ủng hộ, bao gồm cả những người ông đã chọn vào đội ngũ an ninh quốc gia của mình. Ví dụ, Michael Waltz, một thành viên Quốc hội mà Trump đã chọn làm cố vấn an ninh quốc gia, đã kêu gọi trong *The Economist* rằng Mỹ nên giúp chấm dứt chiến tranh ở Ukraine càng sớm càng tốt, rồi chuyển nguồn lực sang “đôi phó với mối đe dọa lớn hơn từ Đảng Cộng sản Trung Quốc.”

Tại Bắc Kinh và Moscow, các nhà lãnh đạo đang chờ đợi giai đoạn chuyển giao trong vài tuần tới và sự khởi đầu của nhiệm kỳ mới của Trump với sự kết hợp giữa lo âu và cảm giác hả hê trước sự khó khăn của người khác. Mỗi quan tâm lớn nhất của Kremlin là làm sao để điều hướng giai đoạn này một cách an toàn, tránh để xảy ra một cuộc leo thang lớn với Mỹ về vấn đề Ukraine trước khi Trump nhậm chức. Tổng thống Nga Vladimir Putin hy vọng rằng nhiệm kỳ của Trump sẽ dẫn đến sự giảm sút đáng kể trong sự ủng hộ của phương Tây đối với Kyiv, nếu Moscow chọn nước đi đúng — dù không đạt được một thỏa thuận chính thức về việc kết thúc thù địch ở Ukraine.

Trong khi đó, Bắc Kinh lại có những lo ngại hoàn toàn ngược lại. Cuộc gặp giữa Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Biden vào tháng Mười Một trong khuôn khổ Hội nghị Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương cho thấy chính quyền đảng Dân chủ sẽ không làm gián đoạn quá lớn mối quan hệ Mỹ – Trung khi rời nhiệm sở. Tuy nhiên, đối với đội ngũ Cộng hòa sắp tới, Bắc Kinh lại có lý do để lo ngại — cả về lời lẽ trong chiến dịch tranh cử của Trump lẫn về những

nhân vật mà ông đã đề cử vào các vị trí quan trọng trong chính phủ của mình.

## SỰ CHUỘC TỘI CỦA PUTIN

Thông tin về “kế hoạch hòa bình” của Trump cho Ukraine vẫn còn rất hạn chế, và các quan chức cấp cao của Nga cũng tỏ ra khá kín tiếng về khả năng thành công của kế hoạch này. Tuy nhiên, trước khi bước vào cuộc đối thoại chính thức với Trump, Kremlin cần phải vượt qua vài tuần tới, mà họ xem là một trong những giai đoạn nguy hiểm nhất trong cuộc chiến Ukraine. Sau gần một năm cân nhắc kỹ lưỡng, chính quyền Biden sắp mãn nhiệm cuối cùng đã đồng ý cho Kyiv sử dụng các loại vũ khí tầm xa do các quốc gia NATO sản xuất, bao gồm những tên lửa của Hệ thống Tên lửa Chiến thuật Quân đội (ATACMS) của Mỹ và tên lửa Storm Shadow của Anh, nhắm vào các mục tiêu quân sự trong lãnh thổ Nga được quốc tế công nhận. Vào ngày 19 tháng 11, một kho vũ khí của Nga ở khu vực Bryansk của nước này đã bị tấn công bằng tên lửa mà Bộ Quốc phòng Nga cho rằng là ATACMS. Hai ngày sau, một sở chỉ huy được cho là có sự hiện diện của các tướng quân đội Triều Tiên đã bị tấn công bằng tên lửa Storm Shadow tại khu vực Kursk của Nga.

Mặc dù những tổn thất này có thể gây đau đớn cho Nga, nhưng chúng sẽ không ảnh hưởng quá nhiều đến diễn biến cuộc chiến. Nga đang dần giành lại được nhiều lãnh thổ hơn ở mặt trận phía Đông. Điều khiến Kremlin lo lắng là sự coi thường rõ ràng của phương Tây đối với những “lằn ranh đỏ” mà Moscow đã cảnh báo, cũng như khả năng răn đe hạt nhân của Nga. Putin đã nhiều lần khẳng định rằng Ukraine không thể sử dụng các hệ thống như ATACMS và Storm Shadow mà không có sự trợ giúp kỹ thuật lớn từ NATO, và vì vậy, theo

quan điểm của Kremlin, việc Ukraine sử dụng những vũ khí này đồng nghĩa với việc phương Tây đang trực tiếp tấn công Nga.

Với sự kiên trì và có tổ chức, phương Tây đã từng bước vượt qua các “lằn ranh đỏ” của Nga, buộc Kremlin phải chấp nhận rằng NATO có thể tấn công các mục tiêu của Nga trong những khu vực Ukraine bị chiếm đóng — bao gồm cả Crimea — mà không gặp phải sự trả đũa mạnh mẽ, ngoài các cuộc tấn công vào Ukraine, các hoạt động phá hoại ở phương Tây, và việc cung cấp hỗ trợ quân sự hạn chế cho các nhóm như Houthis ở Yemen hay Triều Tiên. Tuy nhiên, việc tấn công vào lãnh thổ Nga là một vấn đề hoàn toàn khác; theo lập luận của Kremlin, điều này phải chấm dứt ngay lập tức, trước khi nó dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng hơn.

Để đáp trả những hành động mà Nga coi là sự xâm lăng từ phương Tây, vào ngày 19 tháng 11, Nga đã công bố một học thuyết hạt nhân mới, trong đó giảm đáng kể ngưỡng sử dụng vũ khí hạt nhân và mở ra khả năng tấn công hạt nhân vào các quốc gia không sở hữu vũ khí hạt nhân (như Ukraine) nếu những quốc gia này tiến hành các cuộc tấn công tầm xa với sự hỗ trợ của các quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân. Để củng cố những lời đe dọa này, điều mà phương Tây không quá coi trọng, vào ngày 21 tháng 11, Nga đã phóng một tên lửa có khả năng mang đầu đạn hạt nhân vào một nhà máy quân sự ở Dnipro. Dựa vào các vụ nổ tương đối nhỏ, có thể thấy tên lửa này gần như không mang đầu đạn, hoặc mang đầu đạn rất nhẹ — điều này có nghĩa là vụ phóng chủ yếu nhằm gửi đi một thông điệp chính trị, thể hiện khả năng và sự sẵn sàng của Kremlin trong việc leo thang xung đột.

Theo quan điểm của Moscow, “quả bóng” giở đây đã nằm trong sân Washington. Putin đã cảnh báo rõ ràng các nhà lãnh đạo phương Tây rằng ông sẽ đáp trả bất kỳ động thái leo thang nào, như các cuộc tấn công mới vào lãnh thổ Nga hay việc gửi quân đến Ukraine, bằng các cuộc tấn công trả đũa có mục tiêu. Ông hy vọng điều này sẽ giúp ổn định tình hình cho đến khi Trump nhậm chức, mở ra một cơ hội mới để đàm phán về kết thúc cuộc xung đột theo hướng có lợi cho Kremlin.

Moscow nhận thấy rằng các động thái gần đây của chính quyền Biden, bao gồm việc dỡ bỏ các hạn chế đối với vũ khí viện trợ cho Ukraine, đang giúp Washington tăng cường đòn bẩy trong các cuộc đàm phán tương lai. Vì vậy, Nga phản ứng mạnh mẽ đối với những động thái leo thang nguy hiểm nhất, trong khi lại không đáp trả những hành động được cho là ít quan trọng hơn, như các lệnh trừng phạt mới đối với hệ thống tài chính Nga mà chính quyền Biden công bố vào ngày 21 tháng 11, hay quyết định của Washington cung cấp mìn đất cho quân đội Ukraine.

Khi giai đoạn chuyển giao giữa Biden và Trump kết thúc, Kremlin không nên kỳ vọng rằng nhiệm kỳ Trump 2.0 sẽ dễ dàng. Một số thành viên trong đội ngũ an ninh quốc gia của Trump, bao gồm Phó Tổng thống sắp tới JD Vance và đặc phái viên về Ukraine Keith Kellogg, đã đưa ra ý tưởng chấm dứt chiến tranh bằng cách thiết lập một lệnh ngừng bắn dọc theo các tuyến tiếp xúc hiện tại ở Ukraine, cùng với

việc hoãn vô thời hạn khả năng Ukraine gia nhập NATO. Đổi lại, sẽ có những điều khoản bảo vệ sự tồn tại của Ukraine như một quốc gia độc lập, dù không nằm trong biên giới năm 1991. Điều này có thể có lợi cho Moscow. Tuy nhiên, hiện tại

không có gì cho thấy Putin đã sẵn sàng từ bỏ các mục tiêu ban đầu, vốn rất tham vọng của ông — cụ thể là “phi quân sự hóa và phi phát xít hóa Ukraine,” mà thực chất là thay đổi chế độ ở Kyiv và đảm bảo quyền phủ quyết vĩnh viễn của Moscow đối với chính sách đối ngoại của Ukraine. Kremlin sẽ sẵn lòng đạt được những mục tiêu này qua đàm phán, nhưng nếu không thể đạt được điều kiện tiên quyết quan trọng nhất — đó là chấm dứt sự hỗ trợ quân sự của phương Tây đối với Ukraine — thì lãnh đạo Nga sẽ tiếp tục chiến đấu. Trong một cuộc chiến tiêu hao, Putin hy vọng rằng thời gian sẽ đứng về phía Nga, và rằng kho vũ khí cạn kiệt của phương Tây cùng sự ngần ngại leo thang sẽ hạn chế khả năng của Trump trong việc hỗ trợ Ukraine.

## CHÍNH SÁCH CỨNG RẮN CỦA MÓI CỦA TRUNG QUỐC

Khác với Putin, Tập Cận Bình có nhiều lý do để tin rằng giai đoạn chuyển giao quyền lực từ Biden sang Trump sẽ là một thời kỳ tương đối yên tĩnh trong quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ. Tuy nhiên, khi Trump nhậm chức, tình hình đối với Bắc Kinh có thể sẽ trở nên rủi ro.

Trong những năm gần đây, Bắc Kinh và Washington đã nỗ lực duy trì sự ổn định và tính dự đoán trong quan hệ giữa hai bên. Thông qua nhiều kênh liên lạc, bao gồm các cuộc tiếp xúc định kỳ giữa Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ Jake Sullivan và Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị, cả hai nước đã vượt qua cuộc bầu cử tổng thống ở Đài Loan vào tháng 1, tránh được các cuộc chiến thương mại và kiểm soát xuất khẩu gây căng thẳng, đồng thời hạ nhiệt tình hình ở những điểm nóng quân sự như Eo biển Đài Loan và Biển Đông.

Cuộc gặp giữa Biden và Tập Cận Bình vào tháng 11 vừa qua đã xác nhận rằng hai bên sẽ tiếp tục duy trì chính sách này cho đến ngày 20 tháng 1. Bộ biện pháp kiểm soát xuất khẩu mới của chính quyền Biden, nhắm vào ngành công nghiệp chip của Trung Quốc và được công bố vào ngày 2 tháng 12, đã ngay lập tức bị Bắc Kinh đáp trả bằng lệnh cấm xuất khẩu sang Mỹ một số khoáng sản quan trọng như gallium, germanium và antimony. Tuy nhiên, những biện pháp này đã được chuẩn bị từ trước và không gây bất ngờ. Hiện tại, cả hai bên đều có lý do để giữ bình tĩnh và kiềm chế. Biden đang phải giải quyết các cuộc chiến ở Ukraine và Trung Đông, còn Trung Quốc không muốn tìm kiếm xung đột trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp khó khăn.

Tuy nhiên, trong khi Putin có lý do để lạc quan về Trump, Tập Cận Bình lại có nhiều điều để lo ngại. Trong nhiệm kỳ đầu tiên của Trump, ông đã phát động một cuộc chiến thương mại với Trung Quốc, áp đặt các lệnh trừng phạt nhằm vào gã khổng lồ công nghệ Huawei và gây sức ép buộc các đồng minh tháo gỡ thiết bị của Huawei khỏi mạng lưới của họ, tăng cường sự hiện diện quân sự của Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, và phát động một chiến dịch tuyên truyền liên quan đến đại dịch COVID-19. Đối với Tập, tình hình có thể còn tồi tệ hơn lần này. Vào năm 2016, nền kinh tế Trung Quốc đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, trong khi nền kinh tế Mỹ lại yếu ớt. Còn hôm nay, thế cờ đã đảo ngược, chủ yếu là do chính sách kinh tế của Tập Cận Bình trong suốt thập kỷ qua.

Ngoài ra, còn có đội ngũ các chuyên gia về an ninh quốc gia và thương mại mà Trump đang tập hợp. Hầu hết các quan chức cấp cao mà ông đã đề cử cho đến nay đều nổi tiếng với

quan điểm cứng rắn đối với Trung Quốc. Họ ủng hộ việc tăng chi tiêu quốc phòng để đối phó với Bắc Kinh, áp dụng thuế trừng phạt, siết chặt các biện pháp kiểm soát xuất khẩu và tăng cường hỗ trợ Đài Loan. Thêm vào đó, phần lớn các quan chức cấp cao của Trump sắp tới gần như không có mối quan hệ nào với Trung Quốc, hoặc đã không tới đây trong nhiều năm, thay vào đó lại dành thời gian ở Đài Loan.

Tương tự, đội ngũ hiện tại của Tập Cận Bình, đặc biệt là các trợ lý hàng đầu về kinh tế, cũng không được biết đến nhiều tại Washington. Kể từ năm 2022, Tập đã bao quanh mình bằng những người như Chánh Văn phòng Cai Qi và Phó Thủ tướng He Lifeng, những người có hồ sơ quốc tế khá mờ nhạt, không nói tiếng Anh và gần như không tiếp xúc với Washington kể từ khi được bổ nhiệm vào Bộ Chính trị.

Trong khi nhiệm kỳ đầu của Trump chứng kiến nhiều kênh giao tiếp không chính thức giữa Mỹ và Trung Quốc, thì trong nhiệm kỳ Trump 2.0, hy vọng lớn nhất của Trung Quốc có thể là Elon Musk, người có nhiều mối quan hệ kinh doanh tại Trung Quốc và công ty Tesla của ông có một nhà máy ở Thượng Hải — ít nhất là trong thời gian ông còn giữ được mối quan hệ tốt với Tổng thống Mỹ.

## KHÔNG CÓ SỰ ĐẢO NGƯỢC NHƯ KISSINGER

Giữa những bất ổn mà nhiệm kỳ Trump 2.0 có thể mang lại, điều mà Putin và Tập Cận Bình lo ngại nhất không phải là khả năng của Washington trong việc tạo ra một sự chia rẽ thực sự giữa hai quốc gia của họ, mặc dù Trump đã hứa sẽ làm vậy trong chiến dịch tranh cử.

Trước hết, liệu Trump có thể đàm phán được một thỏa thuận về Ukraine mà Putin chấp nhận hay không vẫn còn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Nếu các mối lo ngại cốt lõi của Kremlin không được giải quyết, Moscow có thể sẽ tiếp tục chiến đấu, và kế hoạch cải thiện quan hệ với Kremlin bằng cách làm giảm quan hệ với Bắc Kinh sẽ trở nên không chắc chắn.

Ngay cả khi các bên đạt được thỏa thuận về Ukraine và Trump giảm bớt các lệnh trừng phạt đối với Nga, nền kinh tế Nga vẫn sẽ đối mặt với những khó khăn lâu dài. Việc cung cấp thêm dòng tiền cho Moscow sẽ cần sự đồng thuận của các nước châu Âu, điều này không hề chắc chắn, vì nhiều quốc gia châu Âu vẫn hoài nghi về Nga dưới sự lãnh đạo của Putin và không muốn quay lại thời kỳ phụ thuộc vào nền kinh tế Nga trước chiến tranh. Hơn nữa, Nga hiện đã quá phụ thuộc vào Trung Quốc về mặt kinh tế, với 40% hàng nhập khẩu của Nga đến từ Trung Quốc và 30% xuất khẩu của Nga sang Trung Quốc trong hai năm qua. Sự phụ thuộc này đang ngày càng gia tăng và không thể đảo ngược trong một sớm một chiều. Việc giảm sự phụ thuộc này sẽ cần sự phối hợp chặt chẽ giữa Mỹ và châu Âu để tăng cường thương mại song phương với Nga, điều mà rất khó xảy ra dưới thời Trump.

Cuối cùng, cả Putin và Tập Cận Bình đều hiểu rằng nhiệm kỳ của Trump sẽ kết thúc sau 4 năm nữa, và một tổng thống kế nhiệm có thể dễ dàng đảo ngược bất kỳ thỏa thuận nào mà Trump đạt được. Trong khi đó, cả Tập Cận Bình và Putin đều có kế hoạch nắm quyền lâu dài, vượt qua năm 2029 — khi nhiệm kỳ của Trump kết thúc. Ngoài mối quan hệ cá nhân giữa hai nhà lãnh đạo độc tài này, sự bất tín chung đối với Washington và hy vọng trở nên mạnh mẽ hơn trong một trật tự thế giới đa cực, thay vì Mỹ độc tôn, sẽ là nền tảng vững



chắc để duy trì và phát triển quan hệ đối tác giữa Trung Quốc và Nga.

–

Alexander Gabuev là Giám đốc Trung tâm Nga và Á-Âu của Carnegie tại Berlin.

**Nguồn:** Alexander Gabuev, “Can Trump Split China and Russia?,” *Foreign Affairs*, 6/12/2024.

**Biên dịch:** Phong trào Duy Tân.